

Số: 118 /2018/QĐST –HNGĐ

Phổ Yên, ngày 08 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 127/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: xóm Hạ Vụ 2, xã V, thị xã PY, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: xóm Đ, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh TN.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T, xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T đều xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Trần Trung H1, sinh

ngày 06/8/2018.

Chị H và anh T thỏa thuận: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Trung H1, sinh ngày 06/8/2016. Anh Trần Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng)/ tháng cho đến khi cháu Trần Trung H1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2018.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H và anh T thỏa thuận không tính lãi xuất chậm trả trong việc anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Chị H, anh T xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung.

2.4. Về công nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị H và anh T xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng không cho ai vay mượn gì và không nợ gì của ai.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008580 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Thị Thu Thủy